
Ex 1: “What, Where, Who, How, Did” và viết các từ trong ngoặc ở Quá khứ

Khanh: _____ were you yesterday, Mai?

Mai: I was at Phong’s house. I (enjoy) _____ his birthday party. _____ he invite you?

Khanh: No, he didn’t. _____ did you get there?

Mai: By bicycle.

Khanh: _____ did you go with?

Mai: I (go) _____ with Tung.

Khanh: _____ did you do at the party?

Mai: We (give) _____ him presents. We (have) _____ a lot of food and drink. I (watch) _____

cartoons on TV, too.

Khanh: _____ you do anything else?

Mai: We (sing) _____ and (dance) _____ happily. We (have) _____ a good time. We (take) _____ a lot of photos. Look at these photos

Ex 2: Kéo thả từ điền vào chỗ trống cho phù hợp.**Presents took played book fair invite**

1. He _____ lots of photos at the sports festival.
2. Did he _____ you to his birthday party?
3. My father bought some books at the _____.
4. My friends gave me some _____ on my birthday.
5. Last Sunday, we _____ hide-and-seek at the Park

Ex 3: Chọn từ sai trong các đáp án cho sẵn và sửa lại cho đúng.

1. Last week, my brother and I join a sports festival. _____
2. What did you did at the funfair last month? _____
3. Did you stay at home and watch TV? – No, I did. I went to the park. _____
4. Who did you meet on the party? _____
5. He had 2 comic book last year. _____

Ex 4: Dịch các câu sau sang Tiếng Anh

Vietnamese	English
1. Bạn đã ăn gì tối qua?	
2. Tôi đã ăn kẹo ngọt.	
3. Chị gái bạn đã uống nước ép hoa quả ngày hôm qua phải không?	
4. Họ đã chơi tennis tuần trước.	
5. Bố mẹ bạn đã đọc gì hôm qua?	
6. Bố mẹ tôi đã đọc một cuốn truyện sách.	
7. Cô ấy đã đi du thuyền năm ngoái phải không?	

Ex 5: Điền was/ were hoặc Did

1. Whereyou last weekend?
2. Whenyou start school?
3. How many schoolsyou go to?
4. Whatyour favourite subject?
5. Whereyou live last month?
6.they live in a house or a flat?
7. Iat home to help my parents.
8. What the trip like?